

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**  
**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum nhận được Công văn số 1247/LN: STC-SGDĐT-SKHĐT, ngày 13/4/2020 của các Sở: Tài chính; Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư (*sau đây gọi tắt là liên ngành*) đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh: “*Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành*”. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

**1. Thẩm quyền ban hành**

Khoản 1, Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành*”. Căn cứ quy định trên, thực tế triển khai thi hành và qua việc kiểm tra, rà soát, liên ngành tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh đã ban hành là phù hợp với quy định trên.

**2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết (*thể hiện qua tên gọi của dự thảo Nghị quyết*) chưa phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 80 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị liên ngành xem xét, chỉnh lý phạm vi điều chỉnh (*thể hiện qua tên gọi của dự thảo Nghị quyết*) cho phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 80 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Cụ thể, tên gọi của văn bản đề nghị xem xét, chỉnh lý theo hướng sau: “*Sửa đổi, bổ sung một số điều trong các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành*”. Bên cạnh đó, đề nghị bổ sung 01 Điều (*Điều 1*) để xác định cụ thể phạm vi điều chỉnh của văn bản. Có thể biên tập như sau:

## **“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

*Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh đi và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh; Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ...”.*

### **3. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo trong hệ thống pháp luật.**

3.1. Đề nghị liên ngành xem xét chỉnh lý, bổ sung quy định về phạm vi điều chỉnh với lý do đã được trình bày tại mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Đề nghị liên ngành xem xét, chỉnh lý khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết cho chính xác, phù hợp với quy định tại Điều 78 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Có thể biên tập như sau: *“Sửa đổi, bổ sung tiêu đề của Điều 1 như sau:...”*. Tiêu đề của Điều 1 Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND (*dự kiến sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết*) đề nghị biên tập lại như sau: *“Quy định khoảng cách và địa bàn các xã, thôn thuộc trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ làm căn cứ để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày”*.

3.3. Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND được dự kiến sửa đổi, bổ sung (theo khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết): *“Trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (Quãng đường đi từ nhà đến trường của học sinh dưới 4 km đối với học sinh tiểu học, dưới 7 km đối với học sinh THCS, dưới 10 km đối với học sinh THPT nhưng phải qua sông suối không có cầu, qua đèo núi cao, qua vùng sạt lở đất đá) Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của cấp có thẩm quyền tại từng thời điểm”*. Quy định trên là mâu thuẫn, không cần thiết. Lý do: Trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn đã được xác định là: quãng đường đi từ nhà đến trường của học sinh dưới 4 km đối với học sinh tiểu học, dưới 7 km đối với học sinh THCS, dưới 10 km đối với học sinh THPT nhưng phải qua sông suối không có cầu, qua đèo núi cao, qua vùng sạt lở đất đá. Tuy nhiên, dự thảo tiếp tục dự kiến: *“Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của cấp có thẩm quyền tại từng thời điểm”* là chưa rõ HĐND tỉnh tiếp tục quy định nội dung nào. Bên cạnh đó, việc quy định như trên cũng chưa phù hợp với tiêu đề của Điều 1 được dự kiến sửa đổi, bổ sung (*quy định khoảng cách và địa bàn*).

Sở Tư pháp cũng nhận thấy, nếu chỉ tiếp tục xác định thẩm quyền của HĐND trong việc quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là không cần thiết vì thẩm quyền này của HĐND cấp tỉnh đã được Chính phủ quy định (*điểm a, khoản 5 Điều 11 Nghị*

*định số 116/2016/NĐ-CP*). Căn cứ thẩm quyền đã được Chính phủ quy định, HĐND cấp tỉnh có trách nhiệm quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày phù hợp với thực tế ở địa phương để làm căn cứ tổ chức thực hiện. Vì vậy, để có đủ cơ sở xác định học sinh không thể đi và trở về trong ngày, đề nghị liên ngành tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh **quy định cụ thể địa bàn** làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày. Khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, đề nghị liên ngành căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 và phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định chính xác để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

3.4. Điều 2 dự thảo Nghị quyết dự kiến sửa đổi Phụ lục số 3 ban hành kèm theo **khoản 1 Điều 1** Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 77/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 và Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND*). Tuy nhiên, lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND. Vì vậy, trường hợp sửa đổi, bổ sung phải là **sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND**.

Hiện nay Sở Tài chính đang chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phí, lệ phí để thay thế Nghị quyết 77/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh quy định về phí, lệ phí và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND. Vì vậy, để tránh tình trạng phí, lệ phí được quy định tản mạn ở nhiều văn bản khác nhau, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại việc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định về lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND. Việc xây dựng mới, trình HĐND tỉnh quy định lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản được thực hiện chung với việc trình HĐND quy định các loại phí, lệ phí khác (*thay thế Nghị quyết 77/2016/NQ-HĐND và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND*).

Để miễn lệ phí liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo chủ trương chung của Chính phủ và HĐND, UBND tỉnh, liên ngành nên tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh có quy định riêng việc miễn lệ phí liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản được quy định khoản 3 Điều 1 Nghị

quyết số 16/2019/NQ-HĐND trong dự thảo Nghị quyết (*quy định thành 01 Điều trong dự thảo Nghị quyết*). Từ những lý do trên, đề nghị liên ngành báo cáo UBND tỉnh việc trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để UBND tỉnh xem xét, quyết định việc trình HĐND tỉnh.

3.5. Điều 3 dự thảo Nghị quyết dự kiến sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND theo hướng: UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B, nhóm C đã được Trung ương giao cụ thể nguồn vốn và danh mục dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh (*sau đây gọi tắt là dự án nhóm B, nhóm C*).

Việc HĐND tỉnh giao UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công. Tuy nhiên, việc sửa đổi, bổ sung theo hướng giao UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư **dự án nhóm B** là vượt quá phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND. Cụ thể, Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND có tên gọi là “*Về việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C*”. Với tên gọi như trên, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND chỉ là dự án nhóm C. Vì vậy, việc dự kiến quy định UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B trong văn bản sửa đổi, bổ sung không phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND. Do đó, đề nghị liên ngành xem xét lại việc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh việc giao UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B khi sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND.

3.6. Tiêu đề của Điều 3 đề nghị biên tập lại như sau cho chính xác, đúng quy định: “*Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND...*”. Bên cạnh đó, đề nghị sử dụng số Ả rập (1, 2) để làm số thứ tự các khoản trong Điều, thứ tự các điểm trong khoản sử dụng chữ cái tiếng Việt (a, b) thay cho các ký hiệu (-; +).

#### **4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản**

Dự thảo Nghị quyết chưa được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Mẫu số 36 Phụ lục I (*ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*). Vì vậy, đề nghị liên ngành căn cứ quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 36 Phụ lục I (*ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*) để trình bày đúng.

#### **5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản**

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo chưa được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật, chưa được gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động của văn bản. Vì vậy, đề nghị liên ngành quan tâm, thực hiện đúng quy định về đăng tải, lấy ý kiến và các quy định khác về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản được quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

## **6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh**

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh sau khi liên ngành tiến hành việc chỉnh lý nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh đề nghị thực hiện theo Điều 122 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Đề nghị liên ngành khi tiếp nhận báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình UBND tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý tới Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại khoản 5, Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh: “*Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành*”. Kính gửi liên ngành theo đề nghị./.

### **Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng UBND tỉnh (biết, phối hợp);
- Lãnh đạo Sở (báo cáo);
- Văn phòng Sở;
- Lưu VT; XD, KTr & TDTHPL/STP.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Minh Thắng**